



English



Vietnamese



[Trang chủ](#) [Thống kê](#) [Mọi người](#) [Dân số](#) [Di cư nước ngoài](#) [Năm tài chính 2023-24](#)

## 📌 Bản phát hành mới nhất

# Di cư nước ngoài

Thống kê về tình hình di cư quốc tế của Úc theo tiểu bang và vùng lãnh thổ, quốc gia nơi sinh, thị thực, độ tuổi và giới tính.

Thời gian tham chiếu Năm tài chính 2023-24

Phát hành 13/12/2024

### On this page

- [Key statistics](#)
- [Net overseas migration](#)
- [Migrant arrivals](#)
- [Migrant departures](#)
- [Country of birth](#)
- [Visa](#)
- [Age and sex](#)
- [State and territory](#)
- [Related ABS publications](#)
- [Data downloads](#)
- [Methodology](#)
- [Media releases](#)

## Số liệu thống kê chính

- Di cư ròng ra nước ngoài là 446.000 vào năm 2023-24, giảm so với mức 536.000 của năm trước đó
- Lượng người di cư đến giảm 10% xuống còn 667.000 so với 739.000 lượt người đến vào năm trước
- Nhóm người di cư lớn nhất là sinh viên tạm thời với 207.000 người
- Số lượng người di cư khởi hành tăng 8% lên 221.000 so với mức 204.000 của năm trước.

Dữ liệu được trình bày trong bản phát hành này là dữ liệu hàng năm, cho các năm kết thúc vào ngày 30 tháng 6 trừ khi có ghi chú khác. Để biết ước tính di cư hàng quý mới nhất, hãy xem ấn phẩm [Dân số quốc gia, tiểu bang và lãnh thổ](https://www.abs.gov-au.translate.google/statistics/people/population/national-state-and-territory-population/latest-release?x_tr_sl=auto&x_tr_tl=vi&x_tr_hl=en&x_tr_pto=wapp) ([https://www-abs-gov-au.translate.google/statistics/people/population/national-state-and-territory-population/latest-release?x\\_tr\\_sl=auto&x\\_tr\\_tl=vi&x\\_tr\\_hl=en&x\\_tr\\_pto=wapp](https://www.abs.gov-au.translate.google/statistics/people/population/national-state-and-territory-population/latest-release?x_tr_sl=auto&x_tr_tl=vi&x_tr_hl=en&x_tr_pto=wapp)) của ABS. Để biết ước tính di cư ra nước ngoài theo khu vực của Úc, hãy xem ấn phẩm [Dân số theo khu vực](https://www-abs-gov-au.translate.google/statistics/people/population/regional-population/latest-release?x_tr_sl=auto&x_tr_tl=vi&x_tr_hl=en&x_tr_pto=wapp) ([https://www-abs-gov-au.translate.google/statistics/people/population/regional-population/latest-release?x\\_tr\\_sl=auto&x\\_tr\\_tl=vi&x\\_tr\\_hl=en&x\\_tr\\_pto=wapp](https://www-abs-gov-au.translate.google/statistics/people/population/regional-population/latest-release?x_tr_sl=auto&x_tr_tl=vi&x_tr_hl=en&x_tr_pto=wapp)) của ABS.

Hầu hết dữ liệu trong bản phát hành này đã được làm tròn, do đó, tổng các thành phần có thể không bằng tổng số.

### NOM TableBuilder hiện đã có sẵn

Dữ liệu di cư ròng ra nước ngoài hàng quý từ quý 9 năm 2006 đến quý 6 năm 2024 sẽ được công bố trong [Tablebuilder](https://www-abs-gov-au.translate.google/statistics/microdata-tablebuilder/tablebuilder?x_tr_sl=auto&x_tr_tl=vi&x_tr_hl=en&x_tr_pto=wapp) ([https://www-abs-gov-au.translate.google/statistics/microdata-tablebuilder/tablebuilder?x\\_tr\\_sl=auto&x\\_tr\\_tl=vi&x\\_tr\\_hl=en&x\\_tr\\_pto=wapp](https://www-abs-gov-au.translate.google/statistics/microdata-tablebuilder/tablebuilder?x_tr_sl=auto&x_tr_tl=vi&x_tr_hl=en&x_tr_pto=wapp)) vào ngày 13 tháng 12 năm 2024. Sản phẩm này sẽ được cập nhật hàng quý. Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo [TableBuilder: Di cư ròng ra nước ngoài](https://www-abs-gov-au.translate.google/statistics/microdata-tablebuilder/available-microdata-tablebuilder/net-overseas-migration?x_tr_sl=auto&x_tr_tl=vi&x_tr_hl=en&x_tr_pto=wapp) ([https://www-abs-gov-au.translate.google/statistics/microdata-tablebuilder/available-microdata-tablebuilder/net-overseas-migration?x\\_tr\\_sl=auto&x\\_tr\\_tl=vi&x\\_tr\\_hl=en&x\\_tr\\_pto=wapp](https://www-abs-gov-au.translate.google/statistics/microdata-tablebuilder/available-microdata-tablebuilder/net-overseas-migration?x_tr_sl=auto&x_tr_tl=vi&x_tr_hl=en&x_tr_pto=wapp)).

Hạn chế đi lại do covid-19

The Australian Government imposed travel restrictions on those travelling to or from Australia in March 2020, which were gradually lifted from 1 November 2021. Australian borders were reopened to most travellers from 21 February 2022.

Di cư ròng ra nước ngoài

Di cư ròng ra nước ngoài là sự gia tăng hoặc mất mát dân số ròng thông qua di cư quốc tế đến và đi từ Úc.

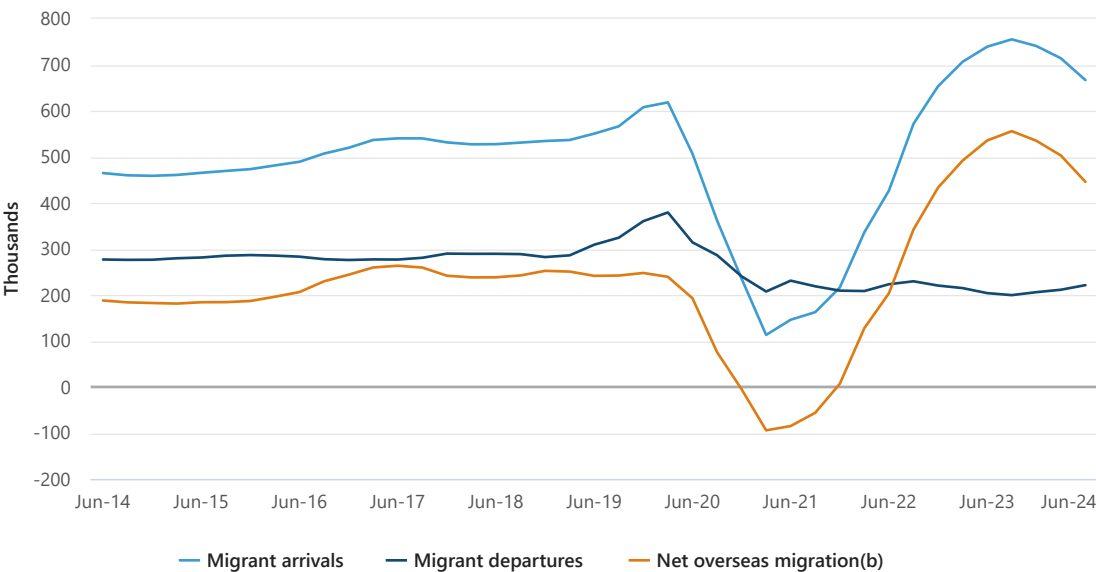
Trong năm kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, di cư ra nước ngoài đã đóng góp mức tăng ròng là 446.000 người vào dân số Úc. Đây là mức giảm so với mức kỷ lục 536.000 người của năm trước.

Theo truyền thống, có nhiều người di cư đến Úc hơn là di cư đi mỗi năm, nghĩa là di cư ra nước ngoài là nguồn tăng dân số đáng kể cho Úc thay vì mất đi. Xu hướng này tạm thời đảo ngược khi nhiều người di cư tiềm năng không đến Úc vào năm 2020 và 2021 do đóng cửa biên giới và các tác động khác của đại dịch COVID-19.

Biên giới Úc đã mở cửa trở lại cho hầu hết du khách từ ngày 21 tháng 2 năm 2022, tạo nên giai đoạn di cư ròng ra nước ngoài kỷ lục, phù hợp với sự gia tăng lượng người đến sau gần hai năm hạn chế biên giới trong đại dịch COVID-19.

2023-24 là năm đầu tiên ghi nhận mức giảm hàng năm đầu tiên về di cư ròng ra nước ngoài kể từ khi các hạn chế biên giới được dỡ bỏ. Mức thấp hơn này được dẫn đầu bởi sự sụt giảm về số lượng người nhập cư, chủ yếu là người có thị thực tạm thời, trong khi số lượng người rời đi tăng trong cùng kỳ.

Biểu đồ 1.1 - Di cư ra nước ngoài - Úc - năm kết thúc (a)



a. Ước tính từ quý 3 năm 2023 trở đi là sơ bộ. Xem trạng thái sửa đổi trên trang phương pháp luận.  
b. Di cư ròng ra nước ngoài được tính bằng số lượng người di cư đến trừ đi số lượng người di cư rời đi .

Người di cư đến

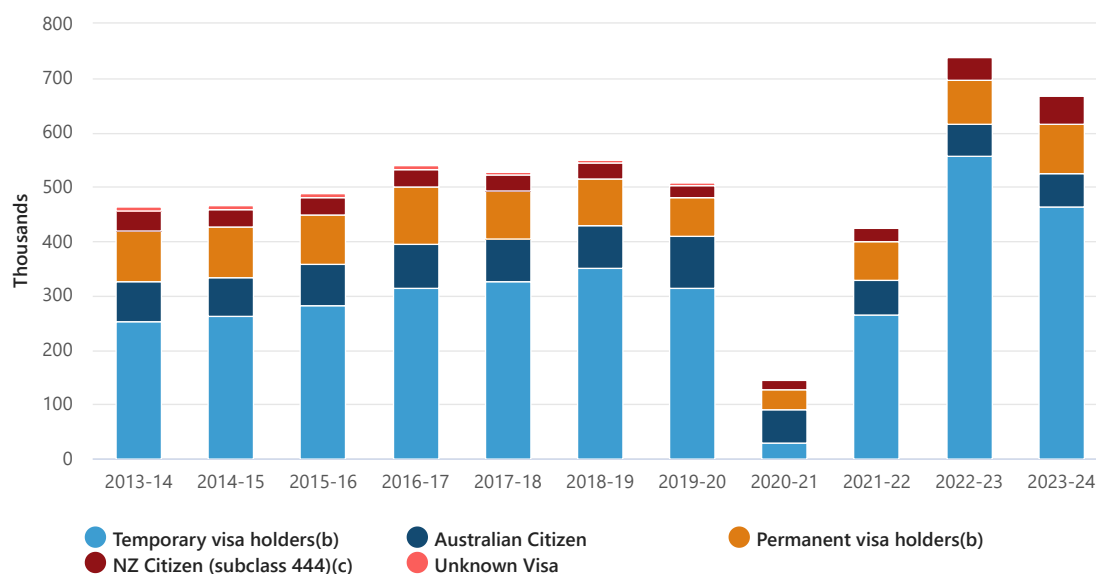
Trong năm 2023-24, số lượng người di cư đến đã giảm xuống còn 667.000, giảm so với mức 739.000 của năm trước. Điều này tương đương với mức giảm hàng năm là 10%. Trong năm 2022-23, có mức tăng hàng năm là 73%. Lượng người di cư đến trong năm 2023-24 là mức giảm đầu tiên kể từ khi biên giới mở cửa trở lại.

Trong năm năm trước đại dịch, số lượng người di cư đến trung bình là 515.000 người mỗi năm, phần lớn đến bằng thị thực tạm thời (307.000 người). Đối với những người đến bằng thị thực thường trú, con số trung bình là 92.000 người. Đối với công dân Úc và New Zealand đến, con số này lần lượt là 77.000 và 32.000 người.

Trong năm 2023-24, những người có thị thực tạm thời (465.000) ghi nhận lượng người nhập cảnh thấp hơn năm trước (557.000). Tuy nhiên, lượng người nhập cảnh có thị thực thường trú (91.000), công dân Úc (60.000) và công dân New Zealand (51.000) lại ghi nhận lượng người nhập cảnh cao hơn.

Người sở hữu thị thực tạm thời là những người đóng góp lớn nhất vào lượng người di cư đến vào năm 2023-24. Trong khi sinh viên quốc tế là nhóm thị thực tạm thời lớn nhất với 207.000 lượt đến, thì con số này đã giảm so với mức 278.000 của năm 2022-23. Những người sở hữu thị thực tạm thời khác bao gồm du khách (90.000 lượt người di cư đến), người đi làm việc trong kỳ nghỉ (80.000) và người có tay nghề tạm thời (49.000).

**Biểu đồ 1.2 Lượng người di cư nước ngoài đến - nhóm thị thực và quyền công dân (a)**



a. Ước tính cho năm 2023-24 là sơ bộ. Xem trạng thái sửa đổi trên trang phương pháp luận.

b. Thị thực tại thời điểm ngày nhập cảnh của du khách. Số lượng thị thực ở đây không nên nhầm lẫn với thông tin về thị thực do Bộ Nội vụ cấp vì thị thực có thể được cấp trong nước.

c. Loại thị thực 444 được cấp cho công dân New Zealand khi đến Úc nếu họ chưa được cấp thị thực khác.

## Sự ra đi của người di cư

Trong năm 2023-24, số lượng người di cư khởi hành đã tăng lên 221.000, tăng so với mức 204.000 của năm trước. Đây là mức tăng 8% so với năm trước. Mặc dù các hạn chế đi lại đã được dỡ bỏ hơn hai năm trước đó, nhưng số lượng người di cư khởi hành vẫn thấp hơn mức trước đại dịch.

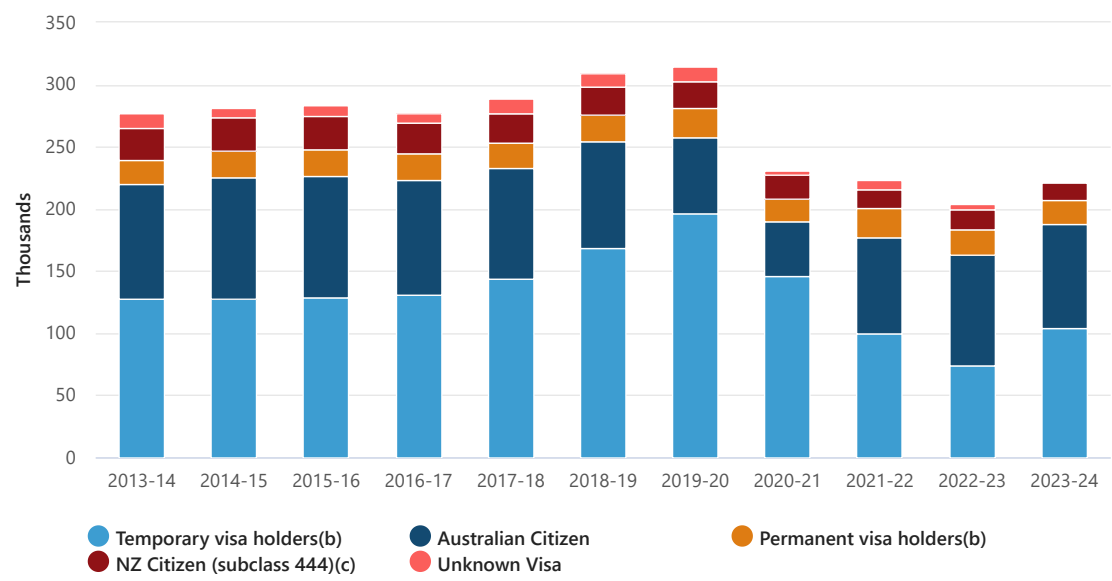
Năm 2023-24 cũng là năm đầu tiên có sự gia tăng hàng năm về số lượng người di cư khởi hành kể từ khi biên giới mở cửa trở lại.

Trong năm năm trước đại dịch, số lượng người di cư khởi hành trung bình là 288.000 người mỗi năm với nhóm người khởi hành lớn nhất là những người có thị thực tạm thời (140.000 người). Đối với công dân Úc khởi hành, con số trung bình là 93.000 người, tiếp theo là công dân New Zealand (25.000 người) và người có thị thực thường trú (21.000 người).

Trong năm 2023-24, số lượng người rời đi là người có thị thực tạm thời (104.000), công dân Úc (84.000), người có thị thực thường trú (19.000) và công dân New Zealand (14.000) đều ghi nhận mức thấp hơn so với mức trung bình năm năm trước đại dịch.

Do tác động của các hạn chế đi lại do COVID-19, số lượng người di cư tạm thời đến Úc trong thời gian đại dịch rất thấp. Nhiều người đến Úc bằng thị thực tạm thời sau khi các hạn chế đi lại được dỡ bỏ, chẳng hạn như sinh viên quốc tế, hiện đang bắt đầu rời đi vì đã đủ thời gian trôi qua kể từ lần đầu tiên họ đến sau khi các hạn chế biên giới được dỡ bỏ. Ví dụ, số người di cư rời đi bằng thị thực sinh viên tạm thời đã tăng 97% từ năm 2022-23, vì một số người đã hoàn thành việc học và trở về nhà. Điều này sẽ tiếp tục có tác động giảm xuống đối với di cư ròng ra nước ngoài khi khối lượng người di cư tạm thời rời đi tăng lên.

Biểu đồ 1.3 Xuất cảnh của người di cư nước ngoài - nhóm thị thực và quyền công dân (a)



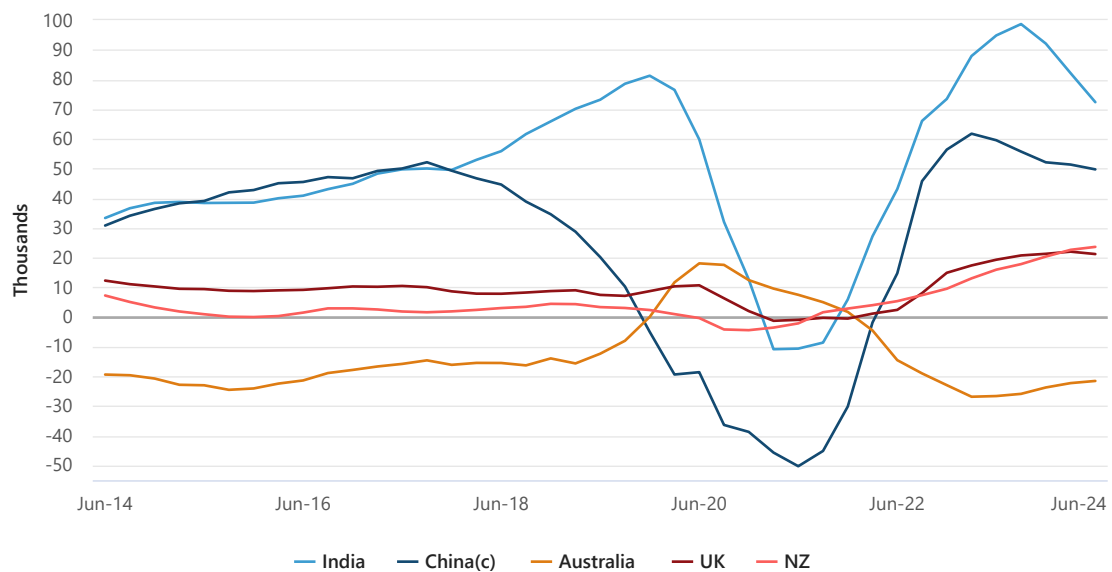
a. Ước tính cho năm 2023-24 là sơ bộ. Xem trạng thái sửa đổi trên trang phương pháp luận.  
b. Thị thực tại thời điểm ngày khởi hành di cư ra nước ngoài của du khách. Số lượng thị thực ở đây không nên nhầm lẫn với thông tin về thị thực do Bộ Nội vụ cấp vì thị thực có thể được cấp trong nước.  
c. Loại thị thực 444 được cấp cho công dân New Zealand khi đến Úc nếu họ chưa được cấp thị thực khác.

Quốc gia nơi sinh

Di cư ròng ra nước ngoài

In 2023-24, the top five countries of birth for overseas migrants were India, China, Australia, the United Kingdom and New Zealand. Analysis over the previous decade shows steady increases prior to the pandemic for migrants born in India and China. However, for the Chinese-born, a decline started from late 2017, well before the pandemic began.

Graph 2.1 Net overseas migration(a) - top 5 countries of birth(b) - year ending



a. Estimates from September quarter 2023 onwards are preliminary. See revision status on the methodology page.

b. Top 5 countries of birth by the sum of migrant arrivals and migrant departures in year ending June 2024.

c. Excludes SARs and Taiwan.

In 2023-24, net gains from India and China were lower than the previous year. Net gains from the United Kingdom and New Zealand were higher than the previous year.

In 2023-24, there was a net loss of 22,000 Australian-born from the population. This is in line with the historical trend observed before the pandemic of a net loss each year. During 2020-21, the pandemic and associated travel restrictions caused this long-term pattern to be reversed with a net gain of 7,500 Australian-born residents added to the population.

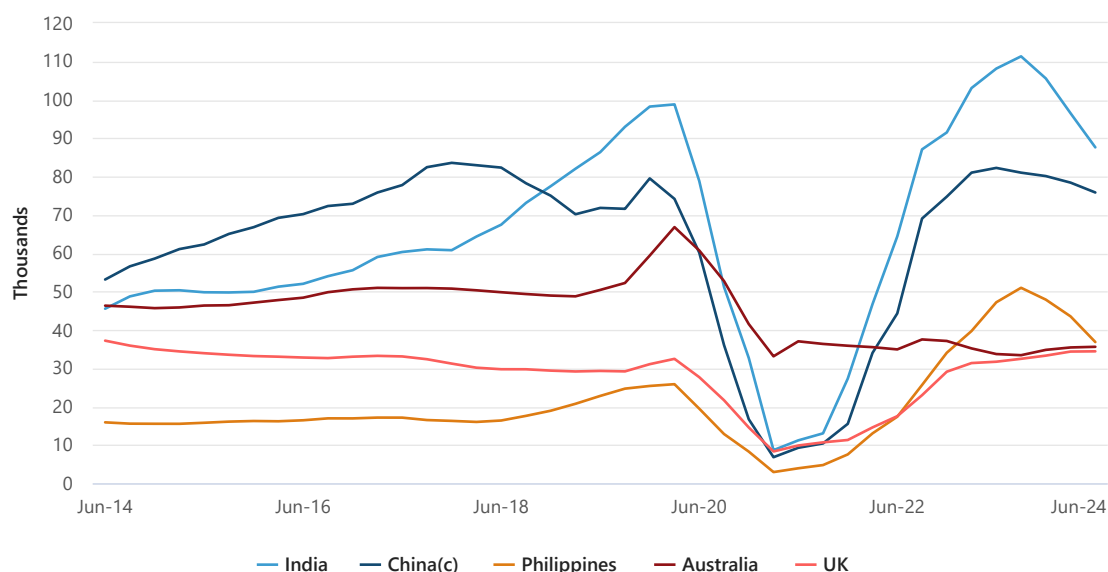
## Đến nơi

In 2023-24 the top five countries of birth for migrant arrivals were India, China, the Philippines, Australia and the United Kingdom. Compared to 2022-23, the number of migrant arrivals decreased for all these countries except Australia and the United Kingdom, which both increased. Arrivals from India, China, the Philippines and the United Kingdom were higher than pre-pandemic levels in 2018-19.

Analysis of these five countries of birth over the years prior to the pandemic, shows that migrant arrivals had:

- increased for Indian-born – driven by international students (mainly for the higher education sector)
- increased for Chinese-born (also driven by international students) until experiencing a decrease in 2018, prior to the effects of the pandemic
- been steady for people born in the Philippines until experiencing an increase prior to the effects of the pandemic
- been steady for Australian-born with around 50,000 arrivals returning to Australia each year
- decreased for UK-born – due to declines in working holiday makers, those on temporary skilled visas and permanent visa holders.

Graph 2.2 Overseas migrant arrivals(a) - top 5 countries of birth(b) - year ending



a. Estimates from September quarter 2023 onwards are preliminary. See revision status on the methodology page.

b. Top 5 countries of birth by the number of migrant arrivals in year ending June 2024.

c. Excludes SARs and Taiwan.

In addition to recent high levels of migration now beginning to decrease, the graph above indicates changes in travel behaviour of those who had arrived prior to the pandemic but were impacted by it and the associated international travel restrictions.

For example, Australian-born migrant arrivals increased from September 2019 to March 2020. This was largely due to some Australian expatriates having changed their travel plans after arriving prior to COVID-19 occurring and then remaining in Australia, despite originally having planned a short trip. Because of this, some who were planning short visits actually stayed longer and became overseas migrant arrivals.

This behaviour was also observed for other nationalities such as those from China and India. Some in the older age groups arrived on visitor visas but ended up staying long enough to be counted as migrant arrivals.

## Khởi hành

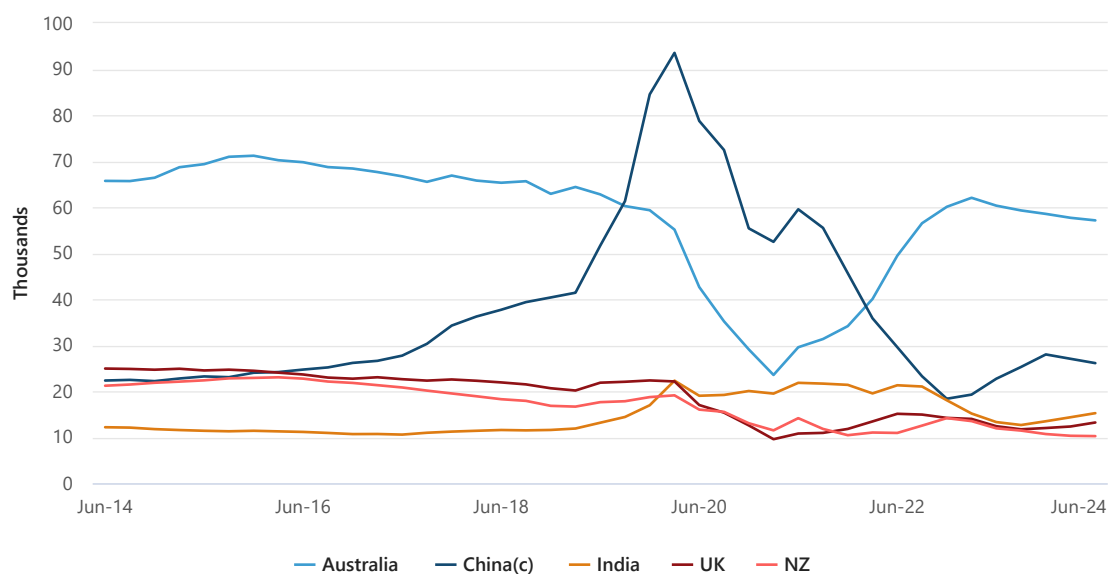
In 2023-24, the top five countries of birth for migrant departures were Australia, China, India, the United Kingdom and New Zealand. The number of migrant departures increased in 2023-24 for those born in China, India and the United Kingdom when compared with 2022-23, whereas the number of migrant departures for those born in Australia and New Zealand decreased.

Departures for those born in Australia, China, the United Kingdom and New Zealand were lower than pre-pandemic levels in 2018-19, whereas Indian-born departures were higher.

Analysis of migrant departures for these five countries of birth in the years prior to the pandemic shows that:

- those born in Australia were the largest group departing each financial year
- departures of Chinese-born increased due to international students departing. However, due to COVID-19, many were recorded as migrant departures in 2019-20 when they had left Australia prior to the pandemic for a short trip but were unable to return to Australia to continue their studies
- Indian-born migrant departures remained stable, even though there were increases in international student arrivals during this period. Like China, in 2019-20 some were recorded as migrant departures after being unable to return to Australia due to the pandemic
- UK-born migrant departures comprised mostly of Australian Citizens born in the UK, working holiday makers, temporary skilled and permanent visa holders
- the number of departures for those born in NZ increased at the start of the decade, reaching a peak of 23,000 (year ending March 2016), before gradually declining for the remainder of the decade.

### Graph 2.3 Overseas migrant departures(a) - top 5 countries of birth(b) - year ending



a. Estimates from September quarter 2023 onwards are preliminary. See revision status on the methodology page.

b. Top 5 countries of birth by the number of migrant departures in year ending June 2024.

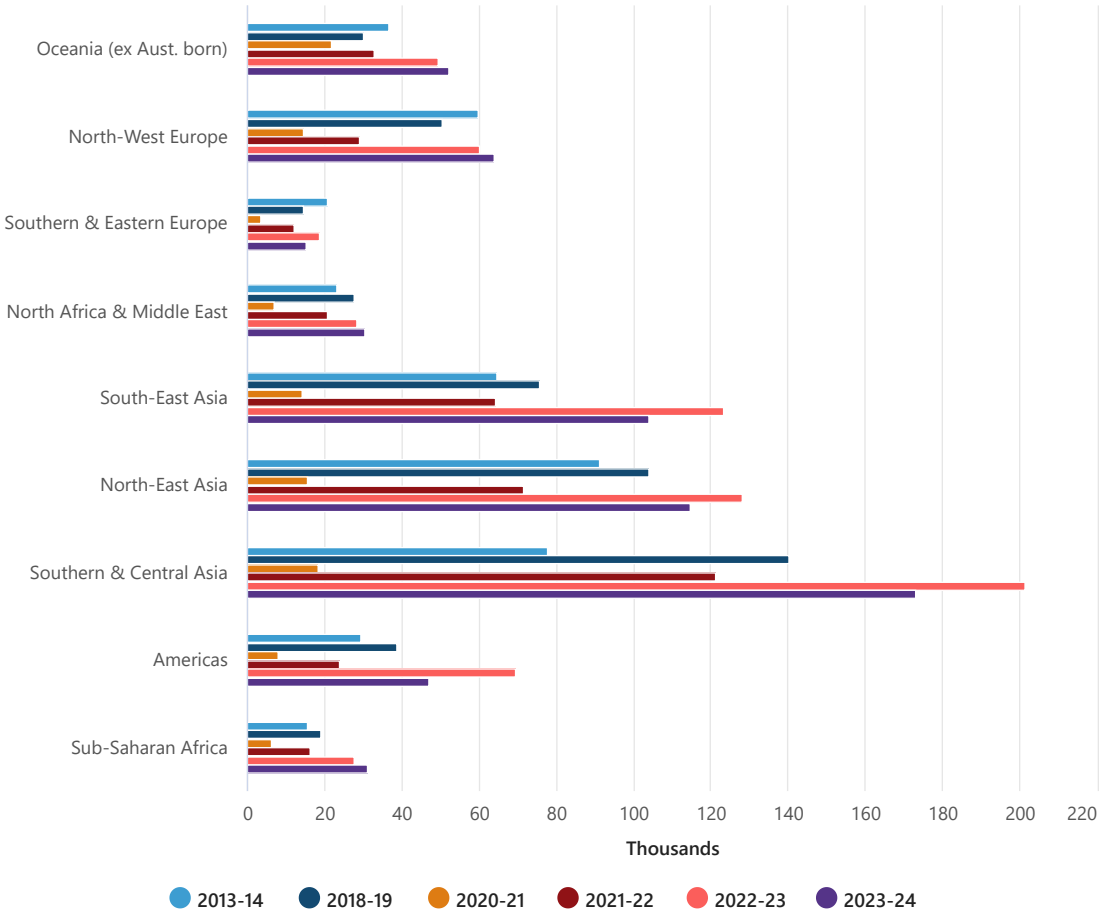
c. Excludes SARs and Taiwan.

## Các khu vực trên thế giới

The mix of countries where Australia's migrant arrivals are born has changed considerably over time. In 2023-24, the region which contributed the most arrivals was Southern and Central Asia with 26%.

A decade ago, in 2013-14, the largest group (20%) was from North-East Asia. In 2018-19, the year prior to the pandemic, this had changed with the largest group (25%) of migrant arrivals coming from Southern and Central Asia. This is a pattern which has continued post-pandemic.

**Graph 2.4 Overseas migrant arrivals(a) - world regions of birth(b) - selected years**



a. Estimates for 2023-24 are preliminary. See revision status on the methodology page.  
b. Based on the Standard Australian Classification of Countries. See classifications on the methodology page.

Visa

Đến nơi

Migrant arrivals decreased overall by 10% in 2023-24. However, the year-on-year changes varied among the different visa groups. Migrant arrivals for:

- temporary visa holders remained higher than the pre-pandemic levels for most temporary groups but overall were down 16% on the previous year
- permanent visa holders increased by 13%
- international students saw a decrease of 26%
- working holiday makers increased by 8%.



Table 3.1 Overseas migrant arrivals by visa and citizenship groups(a)

	2018-19 pre-COVID	2022-23	2023-24	2022-23 to 2023-24 annual change
Visa groupings(b)	'000	'000	'000	'000
Permanent visas				
Family	24.3	21.1	23.1	2.0
Skilled (permanent)	38.2	35.4	40.7	5.3
Special eligibility & humanitarian	15.3	13.0	17.5	4.5
Other (permanent)	7.5	10.9	9.6	-1.4
Total permanent visas	85.4	80.4	90.9	10.5
Temporary visas				
Student - vocational education and training	22.6	38.1	19.8	-18.3
Student - higher education	111.3	177.4	147.5	-29.9
Student - other	30.4	62.2	39.4	-22.8
Skilled (temporary)	32.6	49.2	48.8	-0.4
Working holiday	49.1	73.7	79.6	5.9
Visitors	91.2	108.3	90.0	-18.4
Other (temporary)	13.4	47.6	39.6	-8.0
Total temporary visas	350.7	556.6	464.8	-91.8
New Zealand citizens (subclass 444)(c)	30.5	42.7	51.1	8.4
Australian citizens (no visa required)	78.9	58.8	60.0	1.3
Total(d)	550.4	739.4	666.8	-72.6

a. Estimates for 2023-24 are preliminary. See revision status on the methodology page.

b. The visa at time of traveller's overseas migration arrival date. The number of visas here should not be confused with information on visas granted by the Department of Home Affairs as visas can be granted onshore.

c. Visa subclass 444 is granted to New Zealand citizens upon arrival in Australia if they have not already been granted another visa.

d. Includes unknown visas.

Khởi hành

Migrant departures increased overall by 8% in 2023-24, however the year-on-year changes varied among the different visa groups. Migrant departures for:

- permanent visa holders decreased by 6% from the previous year
- temporary visa holders increased by 40%
- working holiday makers increased by 264%
- international students increased by 97%.

Table 3.2 Overseas migrant departures by visa and citizenship groups(a)

	2018-19 pre-COVID	2022-23	2023-24	2022-23 to 2023-24 annual change
Visa groupings(b)	'000	'000	'000	'000
Permanent visas				
Family	5.8	5.6	5.1	-0.5
Skilled (permanent)	7.5	4.9	5.0	0.2
Special eligibility & humanitarian	0.2	0.1	0.2	0.1
Other (permanent)	8.1	9.6	8.5	-1.0
Total permanent visas	21.5	20.1	18.9	-1.3
Temporary visas				
Student - vocational education and training	17.0	4.6	7.6	3.0
Student - higher education	40.9	7.9	17.3	9.3
Student - other	9.5	3.0	5.7	2.7
Skilled (temporary)	15.7	5.6	6.9	1.2
Working holiday	25.1	3.0	10.8	7.8
Visitors	27.3	18.4	17.5	-0.9
Other (temporary)	33.0	31.9	38.3	6.5
Total temporary visas	168.5	74.3	104.0	29.6
New Zealand citizens (subclass 444)(c)	22.4	16.4	14.1	-2.3
Australian citizens (no visa required)	85.9	89.2	84.2	-5.0
Total(d)	309.1	203.9	221.2	17.3

- a. Estimates for 2023-24 are preliminary. See revision status on the methodology page.
- b. The visa at time of traveller's overseas migration departure date. The number of visas here should not be confused with information on visas granted by the Department of Home Affairs as visas can be granted onshore.
- c. Visa subclass 444 is granted to New Zealand citizens upon arrival in Australia if they have not already been granted another visa.
- d. Includes unknown visas.

Tuổi tác và giới tính

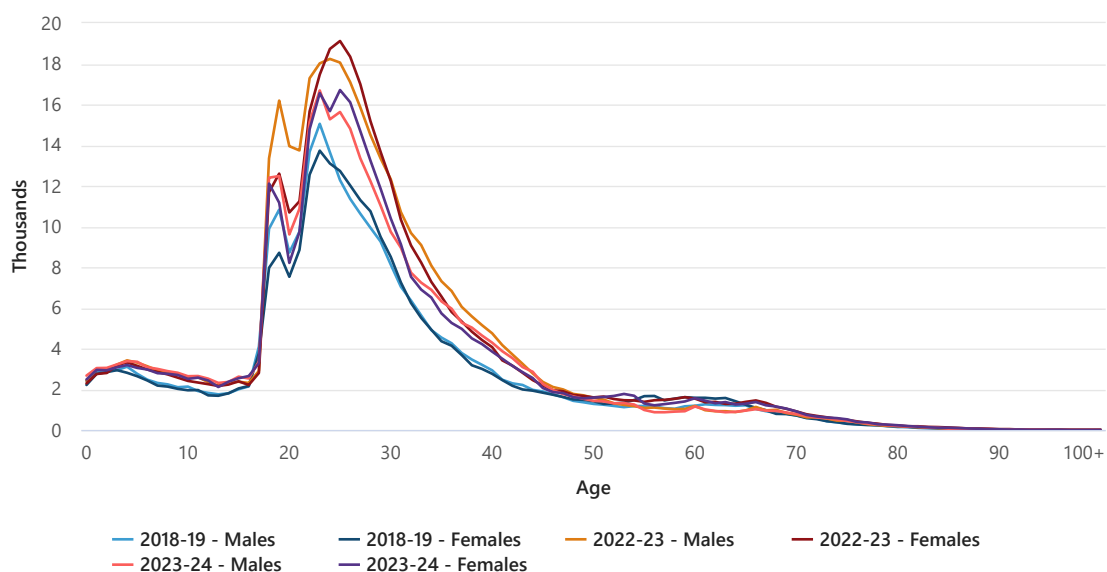
Đến nơi

In 2023-24, the median age of migrant arrivals was 27 and the modal age was 23. Of the 23-year-old arrivals, 57% were international students and 21% were working holiday makers.

Prior to the pandemic in 2018-19, the median age of migrant arrivals was 26 and the modal age was 23.

There were more female than male migrant arrivals in 2023-24, which was recorded as a sex ratio of 99. In 2018-19 (pre-pandemic) there were more male than female migrants, with a sex ratio of 102.

Graph 4.1 Overseas migrant arrivals(a) - age and sex



a. Estimates for 2023-24 are preliminary. See revision status on the methodology page.

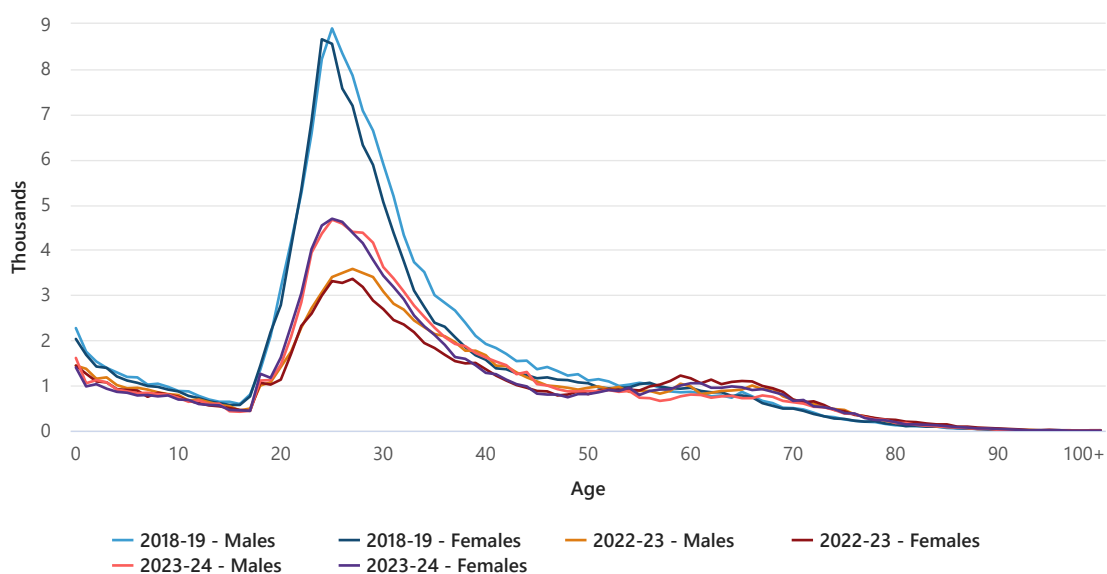
## Khởi hành

In 2023-24, the median age of migrant departures was 31 and the modal age was 25. Of the 25-year-old departures, 31% were international students and 29% were Australian citizens.

Prior to the pandemic in 2018-19, the median age was 28 and the modal age was 25.

There were more male than female migrant departures in 2023-24, which was recorded as a sex ratio of 101. This was lower than the sex ratio in 2018-19 (pre-pandemic) which was 109.

Graph 4.2 Overseas migrant departures(a) - age and sex



a. Estimates for 2023-24 are preliminary. See revision status on the methodology page.

Tiểu bang và lãnh thổ

Di cư ròng ra nước ngoài

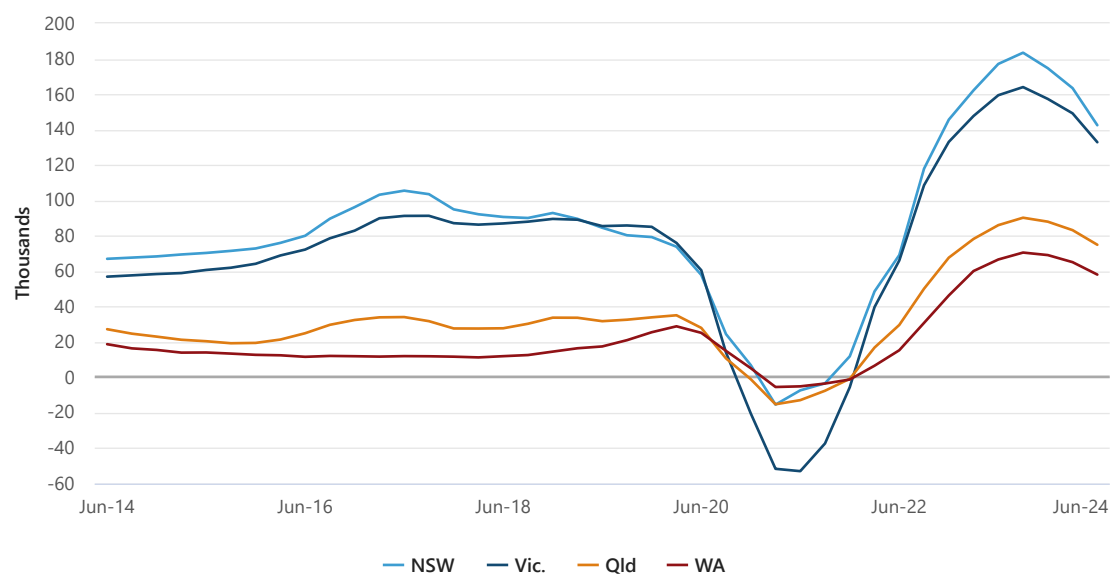
In 2023-24, overseas migration contributed a net gain of 445,640 people to the Australian population.

Individually, every state and territory recorded a net gain to their respective populations:

- NSW – a net gain of 142,470 people
- Vic. – gain of 132,860
- Qld – gain of 74,930
- SA – gain of 23,270
- WA – gain of 58,080
- Tas. – gain of 3,820
- NT – gain of 3,640
- ACT – gain of 6,520.

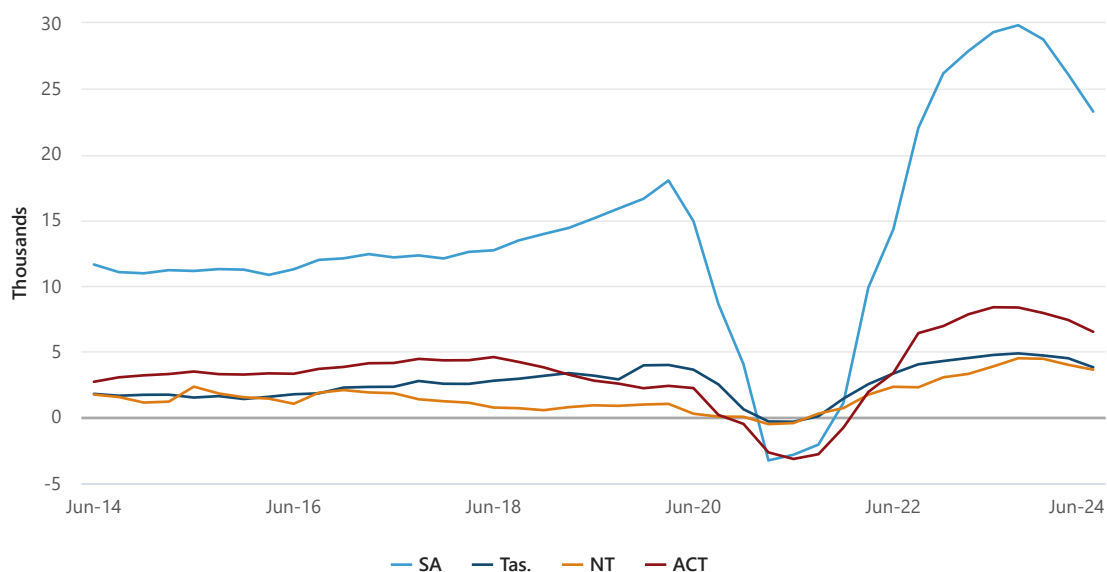
During the pandemic, in 2020-21, overseas migration contributed a net loss to the population of each state and territory. In contrast, in the five years prior to the pandemic, a net gain was recorded in each state and territory.

Graph 5.1 Net overseas migration(a) - larger states(b) - year ending



a. Estimates from September quarter 2023 onwards are preliminary. See revision status on the methodology page.  
b. Based on the states with the largest volume of migrant arrivals and migrant departures in year ending June 2024.

Graph 5.2 Net overseas migration(a) - smaller states and territories(b) - year ending



a. Estimates from September quarter 2023 onwards are preliminary. See revision status on the methodology page.

b. Based on the states and territories with the smallest volume of migrant arrivals and migrant departures in year ending June 2024.

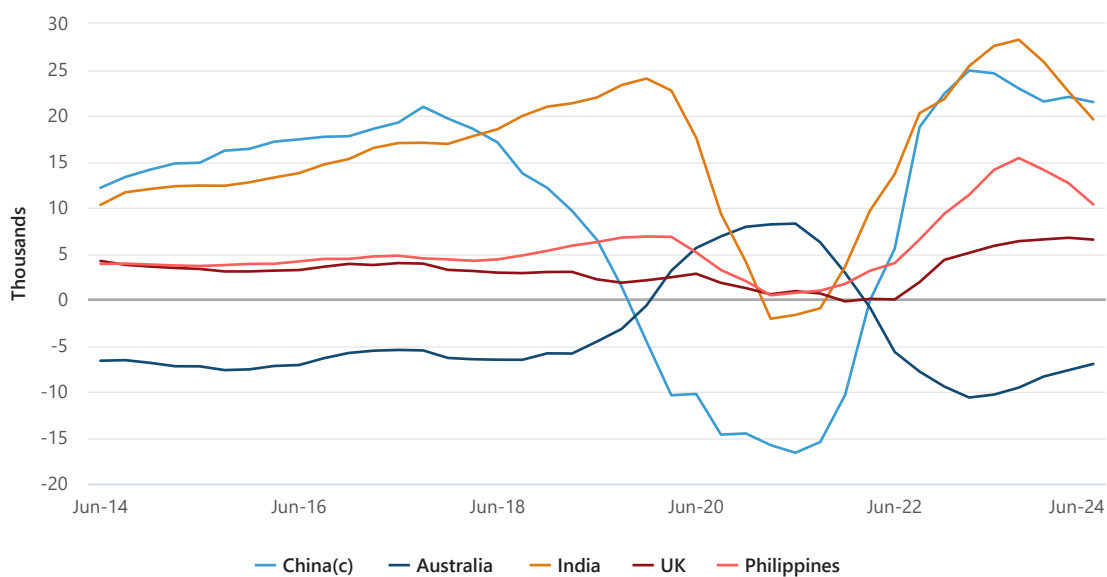
## Quốc gia nơi sinh

Historically, overseas migration has contributed a net gain to Australia's population, with migrants coming from many countries across the globe.

The top countries of birth contributing to changes in population vary for different states and territories. In 2023-24, the top country of birth contributing the largest net gain to each population was:

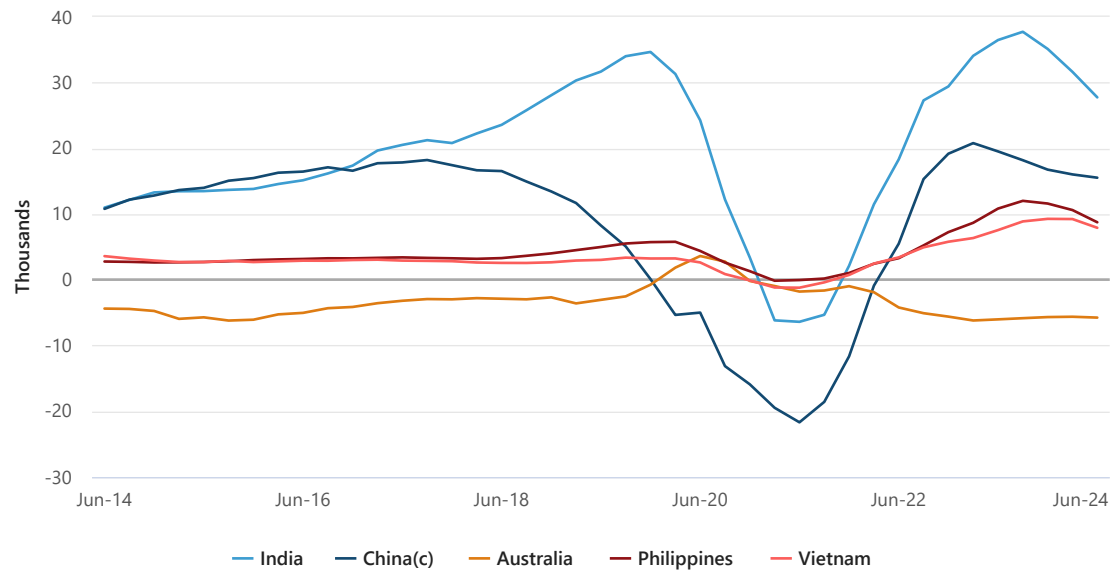
- India for Vic., Qld, SA, Tas. and NT,
- China for NSW and ACT,
- Bhutan for WA.

Graph 5.3 Net overseas migration for NSW(a) – top 5 countries of birth(b) – year ending



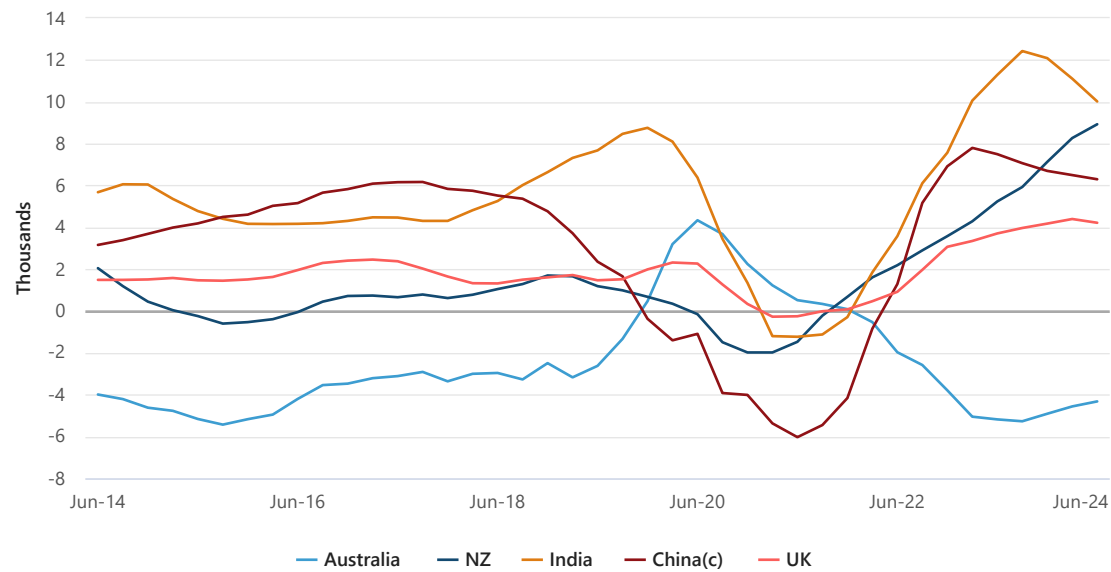
- a. Estimates for 2023-24 are preliminary. See revision status on the methodology page.
- b. Top 5 countries of birth by the sum of migrant arrivals and migrant departures in year ending June 2024 in New South Wales.
- c. Excludes SARs and Taiwan.

Graph 5.4 Net overseas migration for Vic.(a) – top 5 countries of birth(b) – year ending



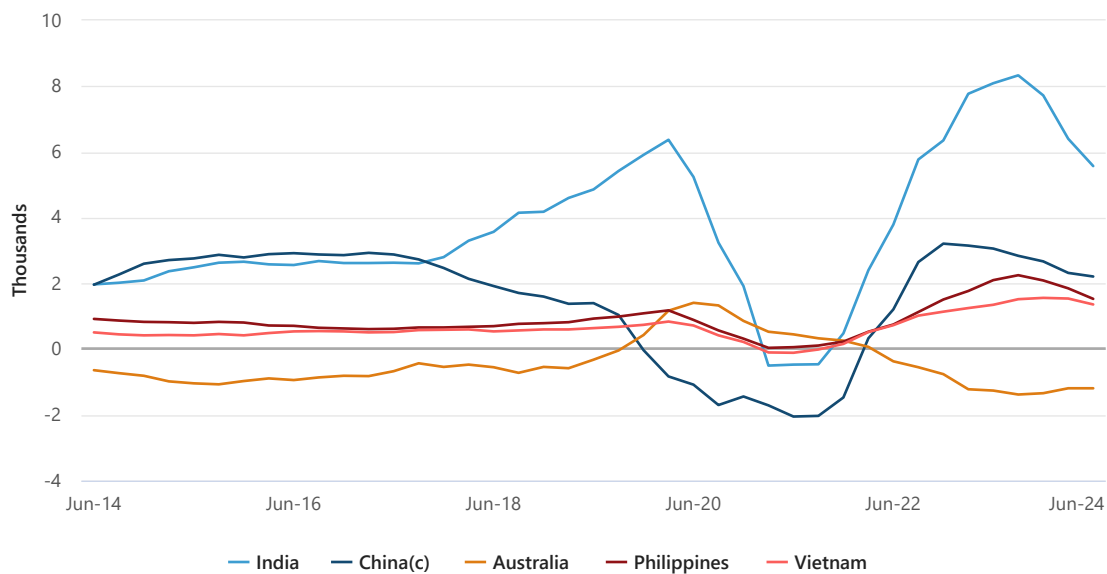
- a. Estimates for 2023-24 are preliminary. See revision status on the methodology page.
- b. Top 5 countries of birth by the sum of migrant arrivals and migrant departures in year ending June 2024 in Victoria.
- c. Excludes SARs and Taiwan.

Graph 5.5 Net overseas migration for Qld(a) – top 5 countries of birth(b) – year ending



- a. Estimates for 2023-24 are preliminary. See revision status on the methodology page.
- b. Top 5 countries of birth by the sum of migrant arrivals and migrant departures in year ending June 2024 in Queensland.
- c. Excludes SARs and Taiwan.

Graph 5.6 Net overseas migration for SA(a) – top 5 countries of birth(b) – year ending

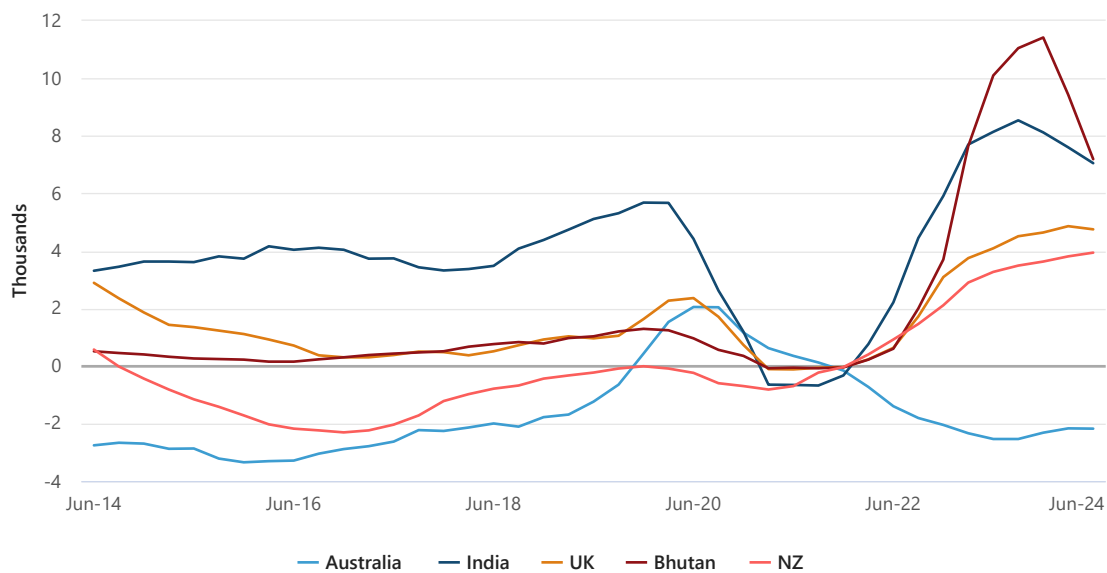


a. Estimates for 2023-24 are preliminary. See revision status on the methodology page.

b. Top 5 countries of birth by the sum of migrant arrivals and migrant departures in year ending June 2024 in South Australia.

c. Excludes SARs and Taiwan.

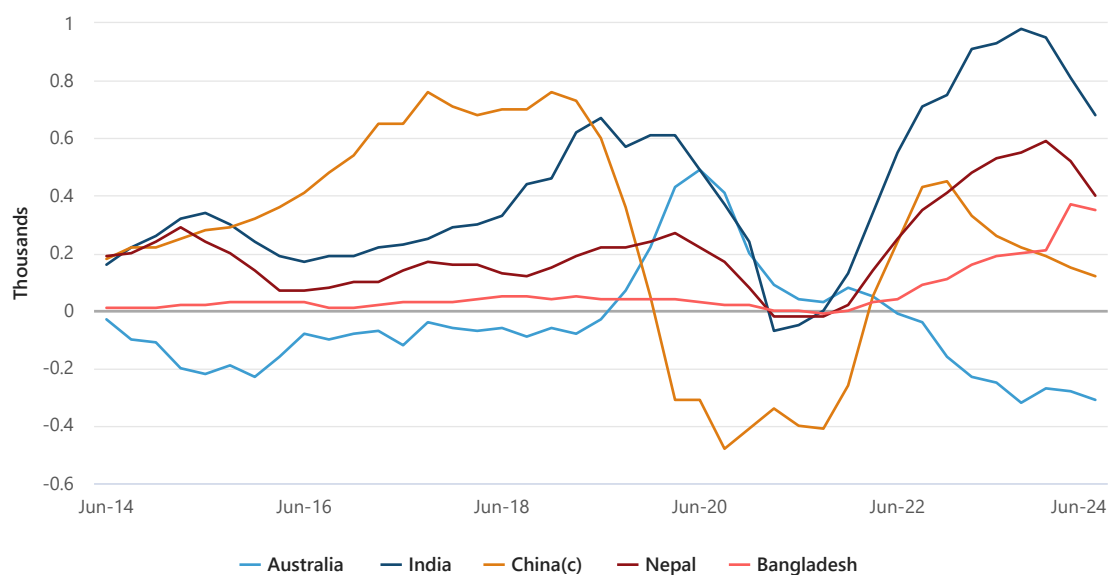
Graph 5.7 Net overseas migration for WA(a) – top 5 countries of birth(b) – year ending



a. Estimates for 2023-24 are preliminary. See revision status on the methodology page.

b. Top 5 countries of birth by the sum of migrant arrivals and migrant departures in year ending June 2024 in Western Australia.

Graph 5.8 Net overseas migration for Tas.(a) – top 5 countries of birth(b) – year ending

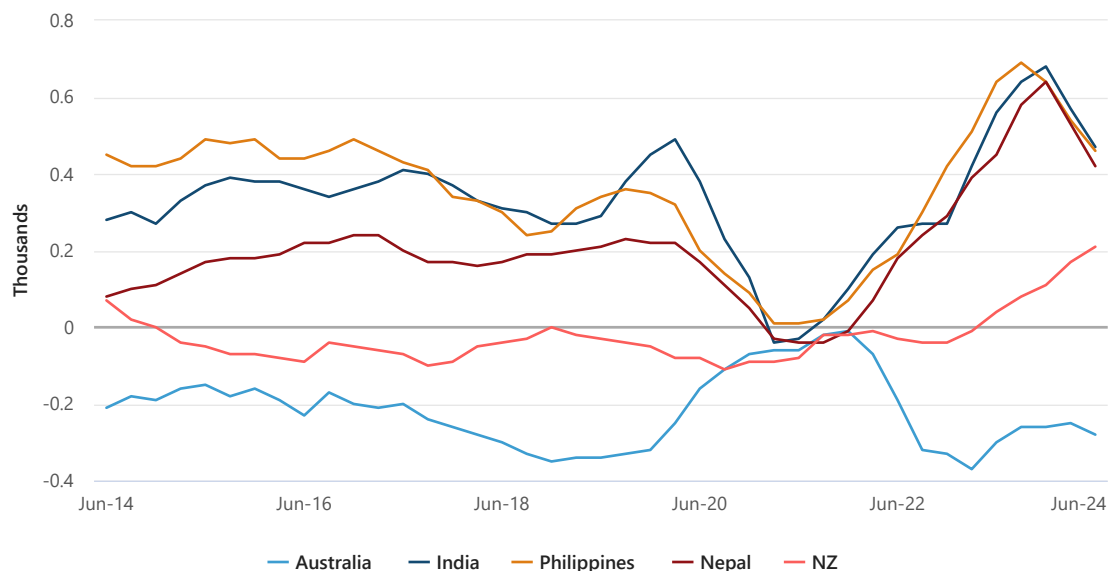


a. Estimates for 2023-24 are preliminary. See revision status on the methodology page.

b. Top 5 countries of birth by the sum of migrant arrivals and migrant departures in year ending June 2024 in Tasmania.

c. Excludes SARs and Taiwan.

**Graph 5.9 Net overseas migration for NT(a) – top 5 countries of birth(b) – year ending**

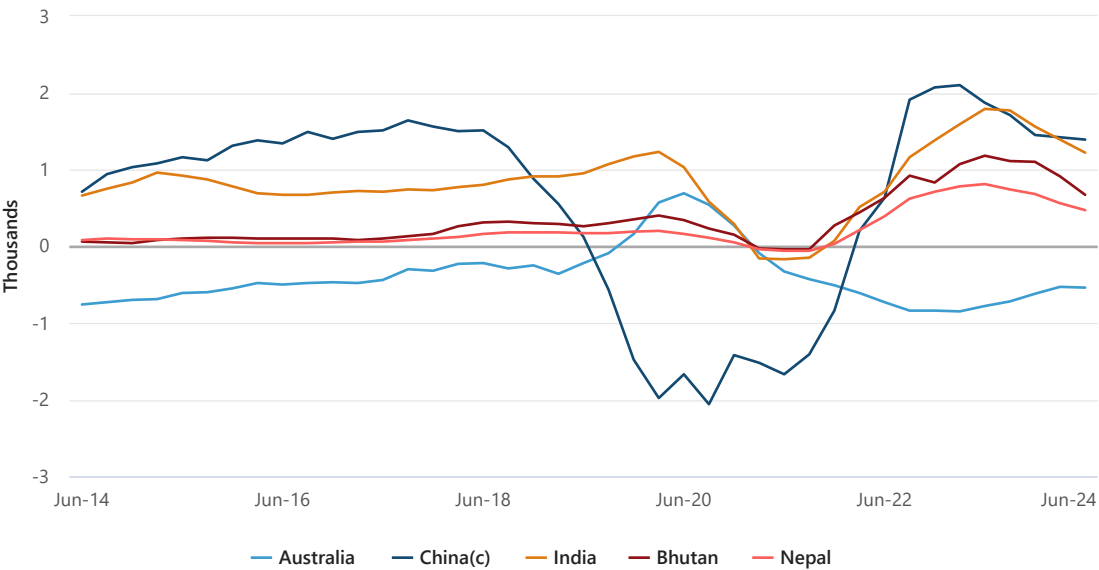


a. Estimates for 2023-24 are preliminary. See revision status on the methodology page.

b. Top 5 countries of birth by the sum of migrant arrivals and migrant departures in year ending June 2024 in the Northern Territory.

**Graph 5.10 Net overseas migration for ACT(a) – top 5 countries of birth(b) – year ending**





a. Estimates for 2023-24 are preliminary. See revision status on the methodology page.  
b. Top 5 countries of birth by the sum of migrant arrivals and migrant departures in year ending June 2024 in the Australian Capital Territory.  
c. Excludes SARs and Taiwan.

Tuổi

In 2023-24 across the states and territories, the median age of:

- migrant arrivals varied from 26 to 28 years of age
- migrant departures varied from 30 to 33 years of age.

In 2018-19 across the states and territories, prior to the pandemic the median age of:

- migrant arrivals varied from 26 to 28 years of age, which was the same as 2023-24
- migrant departures varied from 27 to 30 years of age, which was lower than in 2023-24.

Table 5.11 Migrant arrivals and departures - median age(a) by state and territory

	NSW	Vic.	Qld	SA	WA	Tas.	NT	ACT	Aust.(b)
2023-24(c)									
Arrivals	26.5	26.3	26.9	26.6	27.3	28.1	27.6	26.2	26.6
Departures	30.6	30.3	30.1	30.9	31.5	32.1	32.8	30.0	30.5
2022-23									
Arrivals	26.4	26.5	27.1	26.6	27.7	28.1	27.7	25.9	26.8
Departures	32.6	32.2	31.4	32.2	33.3	32.5	30.8	31.8	32.3
2018-19 (pre-COVID)									
Arrivals	26.5	25.9	26.7	26.2	27.6	26.9	27.6	26.5	26.4
Departures	28.6	28.0	28.3	28.3	29.7	28.8	29.8	27.3	28.5

a. Median age is the age at which half the population is older and half is younger.  
b. Includes Other Territories.  
c. Estimates for 2023-24 are preliminary. See revision status on the methodology page.

Giới tính

For migrant arrivals in 2023-24:

- there were more males than females for NSW, WA, Tas. and NT
- WA had the highest sex ratio (109) and ACT had the lowest sex ratio (88).

For migrant departures:

- there were more males than females for every state and territory except Vic. and ACT in 2023-24
- Tas. had the highest sex ratio (117) and ACT had the lowest sex ratio (99).

Table 5.12 Migrant arrivals and departures - sex ratio(a) by state and territory

	NSW	Vic.	Qld	SA	WA	Tas.	NT	ACT	Aust.(b)
2023-24(c)									
Arrivals	100.9	94.0	99.5	99.6	108.9	103.7	107.8	87.5	99.3
Departures	100.6	99.0	101.1	106.5	108.1	116.8	108.6	98.8	101.5
2022-23									
Arrivals	104.5	100.3	100.9	106.1	112.5	100.0	114.5	94.2	103.5
Departures	104.0	102.8	108.2	108.9	105.9	132.2	194.4	104.2	106.0
2018-19 (pre-COVID)									
Arrivals	101.7	103.2	98.4	100.6	100.7	101.4	123.3	97.7	101.6
Departures	106.6	104.4	111.2	106.3	117.0	114.9	205.7	104.4	108.9

- a. Sex ratio is the number of males per 100 females.
- b. Includes Other Territories.
- c. Estimates for 2023-24 are preliminary. See revision status on the methodology page.

Ấn phẩm ABS liên quan

[Dân số toàn quốc, tiểu bang và vùng lãnh thổ](https://www-abs-gov-au.translate.goog/statistics/people/population/national-state-and-territory-population/latest-release? x_tr_sl=auto& x_tr_tl=vi& x_tr_hl=en& x_tr_pto=wapp) (https://www-abs-gov-au.translate.goog/statistics/people/population/national-state-and-territory-population/latest-release? x\_tr\_sl=auto& x\_tr\_tl=vi& x\_tr\_hl=en& x\_tr\_pto=wapp).

- bao gồm dữ liệu hàng quý về ước tính di cư ròng ra nước ngoài và di cư ròng giữa các tiểu bang.

[Dân số khu vực](https://www-abs-gov-au.translate.goog/statistics/people/population/regional-population/latest-release? x_tr_sl=auto& x_tr_tl=vi& x_tr_hl=en& x_tr_pto=wapp) (https://www-abs-gov-au.translate.goog/statistics/people/population/regional-population/latest-release? x\_tr\_sl=auto& x\_tr\_tl=vi& x\_tr\_hl=en& x\_tr\_pto=wapp).

- bao gồm dữ liệu hàng năm về di cư ra nước ngoài trong khu vực và ước tính di cư trong khu vực.

[Overseas arrivals and departures, Australia](https://www-abs-gov-au.translate.goog/statistics/industry/tourism-and-transport/overseas-arrivals-and-departures-australia/latest-release? x_tr_sl=auto& x_tr_tl=vi& x_tr_hl=en& x_tr_pto=wapp) (https://www-abs-gov-au.translate.goog/statistics/industry/tourism-and-transport/overseas-arrivals-and-departures-australia/latest-release? x\_tr\_sl=auto& x\_tr\_tl=vi& x\_tr\_hl=en& x\_tr\_pto=wapp).

- monthly statistics on all international travel arriving in and departing from Australia.

[Australia's population by country of birth](https://www-abs-gov-au.translate.goog/statistics/people/population/australias-population-country-birth/latest-release? x_tr_sl=auto& x_tr_tl=vi& x_tr_hl=en& x_tr_pto=wapp) (https://www-abs-gov-au.translate.goog/statistics/people/population/australias-population-country-birth/latest-release? x\_tr\_sl=auto& x\_tr\_tl=vi& x\_tr\_hl=en& x\_tr\_pto=wapp).

- statistics on Australia's estimated resident population by country of birth.

[Permanent migrants in Australia](https://www-abs-gov-au.translate.goog/statistics/people/people-and-communities/permanent-migrants-australia/latest-release? x_tr_sl=auto& x_tr_tl=vi& x_tr_hl=en& x_tr_pto=wapp) (https://www-abs-gov-au.translate.goog/statistics/people/people-and-communities/permanent-migrants-australia/latest-release? x\_tr\_sl=auto& x\_tr\_tl=vi& x\_tr\_hl=en& x\_tr\_pto=wapp). — 2021

- statistics about permanent migrants who arrived in Australia between 1 January 2000 and 10 August 2021.

[Temporary visa holders in Australia](https://www-abs-gov-au.translate.goog/statistics/people/people-and-communities/temporary-visa-holders-australia/latest-release? x_tr_sl=auto& x_tr_tl=vi& x_tr_hl=en& x_tr_pto=wapp) (https://www-abs-gov-au.translate.goog/statistics/people/people-and-communities/temporary-visa-holders-australia/latest-release? x\_tr\_sl=auto& x\_tr\_tl=vi& x\_tr\_hl=en& x\_tr\_pto=wapp). — 2021

- statistics about selected types of temporary visa holders who were present in Australia on Census Night, 10 August 2021.

[Migrant settlement outcomes](https://www-abs-gov-au.translate.goog/statistics/people/people-and-communities/migrant-settlement-outcomes/latest-release? x_tr_sl=auto& x_tr_tl=vi& x_tr_hl=en& x_tr_pto=wapp) (https://www-abs-gov-au.translate.goog/statistics/people/people-and-communities/migrant-settlement-outcomes/latest-release? x\_tr\_sl=auto& x\_tr\_tl=vi& x\_tr\_hl=en& x\_tr\_pto=wapp). — 2024

- statistics on selected economic and social outcomes of permanent migrants.

[Personal income in Australia](https://www-abs-gov-au.translate.goog/statistics/labour/earnings-and-working-conditions/personal-income-australia/latest-release? x_tr_sl=auto& x_tr_tl=vi& x_tr_hl=en& x_tr_pto=wapp#migrants) (https://www-abs-gov-au.translate.goog/statistics/labour/earnings-and-working-conditions/personal-income-australia/latest-release? x\_tr\_sl=auto& x\_tr\_tl=vi& x\_tr\_hl=en& x\_tr\_pto=wapp#migrants). — migrant content

- Regional data on the number of income earners, amounts received, and the distribution of income for the 2021-22 financial year.

[Jobs in Australia](https://www-abs-gov-au.translate.goog/statistics/labour/jobs/jobs-australia/latest-release? x_tr_sl=auto& x_tr_tl=vi& x_tr_hl=en& x_tr_pto=wapp#employed-migrants) (https://www-abs-gov-au.translate.goog/statistics/labour/jobs/jobs-australia/latest-release? x\_tr\_sl=auto& x\_tr\_tl=vi& x\_tr\_hl=en& x\_tr\_pto=wapp#employed-migrants). — migrant content

- Information about the number and nature of filled jobs, the people who hold them and their employers.

[Personal income of migrants, Australia](https://www-abs-gov-au.translate.goog/statistics/people/people-and-communities/personal-income-migrants-australia/latest-release? x_tr_sl=auto& x_tr_tl=vi& x_tr_hl=en& x_tr_pto=wapp) (https://www-abs-gov-au.translate.goog/statistics/people/people-and-communities/personal-income-migrants-australia/latest-release? x\_tr\_sl=auto& x\_tr\_tl=vi& x\_tr\_hl=en& x\_tr\_pto=wapp). — 2016-17

- statistics on personal income of migrants including employee income, own unincorporated business income, investment income and other income.

Enquiries

For further information about these publications and related statistics visit [www.abs.gov.au/about/contact-us](https://www-abs-gov-au.translate.goog/about/contact-us? x_tr_sl=auto& x_tr_tl=vi& x_tr_hl=en& x_tr_pto=wapp) (https://www-abs-gov-au.translate.goog/about/contact-us? x\_tr\_sl=auto& x\_tr\_tl=vi& x\_tr\_hl=en& x\_tr\_pto=wapp).

Data downloads

## Notes for time series spreadsheets

Estimates for 2023-24 are preliminary. Preliminary estimates are based on outputs from a propensity model rather than the actual migration outcomes of each traveller. Please take care when using the variables of preliminary estimates at this level of granularity as they may be subject to proportionally large revisions. See revision status on the methodology page.

The estimates in these tables use the 12/16 month rule methodology for calculating net overseas migration. They have not been used in compiling Australia's official estimated resident population (ERP) until September quarter 2006 and onwards. See method used on the methodology page.

To confidentialise, estimates have been rounded to the nearest 10. As a result, sums of the components may not add to totals. Calculations made on rounded data may differ to those published. See confidentiality on the methodology page.

Country classification and codes are from the [Standard Australian Classification of Countries \(SACC\), 2016](https://www.abs.gov.au/au.translate.goog/statistics/classifications/standard-australian-classification-countries-sacc/latest-release?_x_tr_sl=auto&_x_tr_tl=vi&_x_tr_hl=en&_x_tr_pto=wapp) ([https://www-abs-gov-au.translate.goog/statistics/classifications/standard-australian-classification-countries-sacc/latest-release?\\_x\\_tr\\_sl=auto&\\_x\\_tr\\_tl=vi&\\_x\\_tr\\_hl=en&\\_x\\_tr\\_pto=wapp](https://www-abs-gov-au.translate.goog/statistics/classifications/standard-australian-classification-countries-sacc/latest-release?_x_tr_sl=auto&_x_tr_tl=vi&_x_tr_hl=en&_x_tr_pto=wapp)) (cat. no. 1269.0).

NOM statistics by visa group in this dataset are derived from the type of visa or citizenship held when the traveller migrates to or from Australia. These counts of number of migrations by visa type should not be confused with information on the number of visas granted (and also published) by the Department of Home Affairs. Over time, new visas created by Home Affairs are added to the visa hierarchy while the use of other visas may expire. Care should be taken in the analysis of overseas migration data by visa over time.

Cần thận trọng khi tính toán lượng người nhập cư nước ngoài đến và đi bằng thị thực. Cần cân nhắc kỹ lưỡng các thông tin thu được từ việc nhập cư rỗng bằng thị thực, vì cá nhân thường xuất cảnh bằng loại thị thực khác với loại thị thực họ đã có trước đó khi đến. Ví dụ, một người đến bằng thị thực du học có thể xuất cảnh bằng thị thực tay nghề tạm thời, đây chỉ là một ví dụ có thể.

## Time series spreadsheets

[Download all \(774.75 KB\)](#)

### 1. Net overseas migration by country of birth, state/territory - financial years, 2004-05 to 2023-24

[Download XLSX](#)  
[295.25 KB]

### 2. Overseas migrant arrivals by country of birth, state/territory - financial years, 2004-05 to 2023-24

[Download XLSX](#)  
[284.45 KB]

### 3. Overseas migrant departures by country of birth, state/territory - financial years, 2004-05 to 2023-24

[Download XLSX](#)  
[269.48 KB]

### 4. Overseas migrant arrivals and departures by visa and citizenship groups, state/territory - financial years, 2004-05 to 2023-24

[Download XLSX](#)  
[108.89 KB]

## Data Explorer datasets

Caution: Data in the Data Explorer is currently released after the 11:30am release on the ABS website. Please check for the current reference period when using Data Explorer.

For information on Data Explorer and how it works, see the [Data Explorer user guide](https://www-abs-gov-au.translate.goog/about/data-services/data-explorer/data-explorer-user-guide?_x_tr_sl=auto&_x_tr_tl=vi&_x_tr_hl=en&_x_tr_pto=wapp) ([https://www-abs-gov-au.translate.goog/about/data-services/data-explorer/data-explorer-user-guide?\\_x\\_tr\\_sl=auto&\\_x\\_tr\\_tl=vi&\\_x\\_tr\\_hl=en&\\_x\\_tr\\_pto=wapp](https://www-abs-gov-au.translate.goog/about/data-services/data-explorer/data-explorer-user-guide?_x_tr_sl=auto&_x_tr_tl=vi&_x_tr_hl=en&_x_tr_pto=wapp)).

## Notes for Data Explorer datasets

Ước tính cho năm 2023-24 là sơ bộ. Ước tính sơ bộ dựa trên kết quả từ mô hình khuynh hướng chứ không phải kết quả di cư thực tế của mỗi du khách. Vui lòng cẩn thận khi sử dụng các biến của ước tính sơ bộ ở mức độ chi tiết này vì chúng có thể phải chịu các sửa đổi lớn theo tỷ lệ. Xem trạng thái sửa đổi trên trang phương pháp luận.

Các ước tính trong các bảng này sử dụng phương pháp quy tắc 12/16 tháng để tính toán di cư rỗng ra nước ngoài. Chúng không được sử dụng để biên soạn dân số thường trú ước tính chính thức của Úc (ERP) cho đến quý 3 năm 2006 trở đi. Xem phương pháp được sử dụng trên trang phương pháp.

Để bảo mật, các ước tính đã được làm tròn đến 10 gần nhất. Do đó, tổng của các thành phần có thể không được cộng vào tổng số. Các phép tính được thực hiện trên dữ liệu đã làm tròn có thể khác với các phép tính đã công bố. Xem tính bảo mật trên trang phương pháp luận.

Phân loại và mã quốc gia được lấy từ [Phân loại quốc gia tiêu chuẩn của Úc \(SACC\), 2016 \(https://www-abs-gov-au.translate.goog/statistics/classifications/standard-australian-classification-countries-sacc/latest-release?\\_x\\_tr\\_sl=auto&\\_x\\_tr\\_tl=vi&\\_x\\_tr\\_hl=en&\\_x\\_tr\\_pto=wapp\)](https://www.abs.gov.au/au.translate.goog/statistics/classifications/standard-australian-classification-countries-sacc/latest-release?_x_tr_sl=auto&_x_tr_tl=vi&_x_tr_hl=en&_x_tr_pto=wapp) (mã số cat. 1269.0).

Số liệu thống kê N OM theo nhóm thị thực trong tập dữ liệu này được lấy từ loại thị thực hoặc quyền công dân được cấp khi du khách di cư đến hoặc rời khỏi Úc. Những số liệu thống kê về số lần di cư theo loại thị thực này không nên bị nhầm lẫn với thông tin về số thị thực được cấp (và cũng được công bố) bởi Bộ Nội vụ. Theo thời gian, các thị thực mới do Bộ Nội vụ tạo ra sẽ được thêm vào hệ thống phân cấp thị thực trong khi việc sử dụng các thị thực khác có thể hết hạn. Cần thận trọng khi phân tích dữ liệu di cư ra nước ngoài theo thị thực theo thời gian.

Cần thận trọng khi tính toán lượng người nhập cư nước ngoài đến và đi bằng thị thực. Cần cân nhắc kỹ lưỡng các thông tin thu được từ việc nhập cư rỗng bằng thị thực, vì cá nhân thường xuất cảnh bằng loại thị thực khác với loại thị thực họ đã có trước đó khi đến. Ví dụ, một người đến bằng thị thực du học có thể xuất cảnh bằng thị thực tay nghề tạm thời, đây chỉ là một ví dụ có thể.

## Financial years

[Overseas migration, arrivals, departures and net, state/territory, age and sex - financial years, 2004-05 onwards \(https://translate.google.com/website?sl=auto&tl=vi&hl=en&client=webapp&u=https://explore.data.abs.gov.au/vis?tm%3DMigration%26pg%3D0%26df%5Bds%5D%3DABS\\_ABS\\_TOPICS%26df%5Bid%5D%3DNOM\\_FY%26df%5Bag%5D%3DABS%26df%5Bvs%5D%3D1.0.0\)](https://translate.google.com/website?sl=auto&tl=vi&hl=en&client=webapp&u=https://explore.data.abs.gov.au/vis?tm%3DMigration%26pg%3D0%26df%5Bds%5D%3DABS_ABS_TOPICS%26df%5Bid%5D%3DNOM_FY%26df%5Bag%5D%3DABS%26df%5Bvs%5D%3D1.0.0)

## Calendar years

[Overseas migration, arrivals, departures and net, state/territory, age and sex - calendar years, 2004 onwards \(https://translate.google.com/website?sl=auto&tl=vi&hl=en&client=webapp&u=https://explore.data.abs.gov.au/vis?tm%3DMigration%26pg%3D0%26df%5Bds%5D%3DABS\\_ABS\\_TOPICS%26df%5Bid%5D%3DNOM\\_CY%26df%5Bag%5D%3DABS%26df%5Bvs%5D%3D1.0.0\)](https://translate.google.com/website?sl=auto&tl=vi&hl=en&client=webapp&u=https://explore.data.abs.gov.au/vis?tm%3DMigration%26pg%3D0%26df%5Bds%5D%3DABS_ABS_TOPICS%26df%5Bid%5D%3DNOM_CY%26df%5Bag%5D%3DABS%26df%5Bvs%5D%3D1.0.0)

## Quarterly

[Di cư nước ngoài, đến, đi, tiểu bang/lãnh thổ, nhóm thị thực và quyền công dân - theo quý và năm tài chính, từ quý 3 năm 2006 trở đi \(https://translate.google.com/website?sl=auto&tl=vi&hl=en&client=webapp&u=https://explore.data.abs.gov.au/vis?fs%5B0%5D%3DPeople%252C1%257CPopulation%2523POPULATION%2523%257COverseas%2520Migration%2523OVERSEAS\\_MIGRATION%2523%26pg%3D0%26fc%3DPeople%26df%5Bds%5D%3DPEOPLE\\_TOPICS%26df%5Bid%5D%3DOMAD\\_VISA%26df%5Bag%5D%3DABS%26df%5Bvs%5D%3D1.0.0\)](https://translate.google.com/website?sl=auto&tl=vi&hl=en&client=webapp&u=https://explore.data.abs.gov.au/vis?fs%5B0%5D%3DPeople%252C1%257CPopulation%2523POPULATION%2523%257COverseas%2520Migration%2523OVERSEAS_MIGRATION%2523%26pg%3D0%26fc%3DPeople%26df%5Bds%5D%3DPEOPLE_TOPICS%26df%5Bid%5D%3DOMAD_VISA%26df%5Bag%5D%3DABS%26df%5Bvs%5D%3D1.0.0)

## Trình tạo bảng

[TableBuilder: Di cư rỗng ra nước ngoài \(https://www-abs-gov-au.translate.goog/statistics/microdata-tablebuilder/available-microdata-tablebuilder/net-overseas-migration?\\_x\\_tr\\_sl=auto&\\_x\\_tr\\_tl=vi&\\_x\\_tr\\_hl=en&\\_x\\_tr\\_pto=wapp\)](https://www-abs-gov-au.translate.goog/statistics/microdata-tablebuilder/available-microdata-tablebuilder/net-overseas-migration?_x_tr_sl=auto&_x_tr_tl=vi&_x_tr_hl=en&_x_tr_pto=wapp)

## Phương pháp luận

[Phương pháp di cư ra nước ngoài, năm tài chính 2023-24](https://www-abs-gov-au.translate.goog/statistics/people/population/overseas-migration/latest-release?_x_tr_sl=auto&_x_tr_tl=vi&_x_tr_hl=en&_x_tr_pto=wapp)